

Bản án số: 45/2019/HS-PT
Ngày 24 - 12 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Tô Văn Thịnh

Bà Bùi Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 66/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Hoàng Minh T1 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2019/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hoàng Minh T1, sinh năm 1998 tại thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Số nhà ..., ngách ../36 đường L, phố B, phường K, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trung T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ Nguyễn Thị Sao M và 01 con; tiền án, tiền sự không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/6/2019 chuyển tạm giam từ ngày 10/6/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Ngoài ra trong vụ án có 02 người có quyền lợi, liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 03/6/2019, Bùi Như N cùng các bạn là Phạm Văn T2, Điền Văn D1, Lã Văn H1 đến hát Karaoke tại quán Q ở thôn H, xã N, thành phố

N, tỉnh Ninh Bình. Khi đến quán Karaoke Q, N thuê phòng hát số 1 tầng 2 rồi yêu cầu chị Bùi Hương Q là chủ quán gọi cho 4 nhân viên nữ lên hát cùng. Chị Q đồng ý rồi cho 4 nhân viên hát Karaoke là Đỗ Phương T3, sinh ngày 19/8/2003, Lô Thị T4, sinh năm 2003, Nguyễn Thị Mỹ D2, sinh năm 1999 và Phạm Thị Thu H2, sinh năm 2002 lên phục vụ và hát cùng N, T2, D1 và H1. Quá trình hát N lấy 01 túi ma túy loại “Ke” ra để bàn rồi cùng H1, T2, D1 sử dụng còn Phương T3, Lô Thị T4, D2 và H2 không sử dụng ma túy. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày sau khi sử dụng hết số ma túy của N, N lại nói với T2, H1, D1 mua thêm ma túy “Kẹo” để cùng sử dụng, tất cả đều đồng ý. Sau đó N hỏi Đỗ Phương T3 “Em có lấy giúp anh 6 viên kẹo được không?”, T3 nói “Để em hỏi xem rồi em báo lại”. T3 ra ngoài lấy điện thoại Iphone 6s Plus lắp sim 0352.710.... gọi điện đến số 0976.260... của Hoàng Minh T1 hỏi “Em đang hát cùng khách tại quán Karaoke Q, khách hỏi lấy 6 viên kẹo, anh có không thì báo giá em biết để em báo lại cho khách, khách đồng ý thì em bảo anh mang đến”, T1 nói “Chờ tý để anh xem”. Khoảng 2 đến 3 phút sau, T1 điện lại nói với T3 “6 viên kẹo giá từ 2.800.000 đồng đến 3.000.000 đồng”. Sau đó T3 nói lại với N “Giá 6 viên kẹo là 3.000.000 đồng”, N nói “OK” rồi T3 gọi lại cho T1. Do T1 biết với một người thanh niên tên B trú tại xã M, huyện H, tỉnh Ninh Bình và biết B có bán ma túy nên T1 đã sử dụng điện thoại hiệu Nokia lắp sim 0976.260... của mình gọi đến số 0867.680... của B nói “Anh lấy cho em 6 viên kẹo”, B đồng ý và hẹn T1 gặp nhau ở khu vực gần nhà khách A để lấy ma túy. Sau khi lấy được 6 viên ma túy kẹo hình tròn màu trắng đục đựng trong một túi ni lon màu trắng kích thước khoảng (7x10) cm T1 cầm số ma túy trong bàn tay trái và thống nhất với B khi bán được 06 viên ma túy kẹo sẽ đưa tiền cho B và B sẽ trả công. B đồng ý rồi bỏ đi còn T1 do không có xe nên gọi điện đến số 0787.407.... của một người thanh niên tên H3, sinh năm 2001 ở thôn L, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình là bạn của T1 nói xuống đón. Khoảng vài phút sau H3 đi xe mô tô hiệu Wave màu trắng đến (T1 không nhớ biển kiểm soát). Khi thấy H3 đến T1 điều khiển xe chở H3 vào quán Karaoke Q khi đến trước cửa quán Karaoke thì T1 xuống xe và lấy điện thoại gọi cho T3 nói “Bảo khách xuống lấy ma túy” nghe xong T3 bảo N cùng đi xuống, quá trình gọi điện cho T3 thì T1 bỏ túi ma túy đang cầm ở tay trái vào túi quần bên trái đang mặc. Khoảng 23 giờ cùng ngày trong lúc đang đứng trước cửa quán Karaoke Q để giao dịch mua bán ma túy thì T1 và người thanh niên tên H3 nhìn thấy Tổ công tác Công an thành phố Ninh Bình đi kiểm tra quán Karaoke Q thấy vậy người thanh niên tên H3 lên xe bỏ chạy còn T1 lấy túi ma túy đang để trong túi quần bên trái ra rồi ném về phía gốc cây sấu trước cửa quán Karaoke Q. Tổ công tác kiểm tra và phát hiện tại gốc cây sấu phía bên trái của quán Karaoke Q (hướng nhìn từ trong ra) cách vị trí kiểm tra T1, N và T3 khoảng 3 mét có 01 túi ni lon màu trắng kích thước khoảng (7x10) cm bên trong có 6 viên dạng nén hình tròn màu trắng đục, mặt có chữ Pablo Escobar. T1 khai nhận 01 túi ni lon màu trắng kích thước khoảng (7x10) cm bên trong có 6 viên dạng nén hình tròn màu trắng đục Cơ quan công an thu tại gốc cây sấu là ma túy của T1 vừa mang đến để bán cho khách khi thấy Công an kiểm tra T1 đã

ném xuống đó. Tổ công tác đã tiến hành thu giữ và niêm phong túi ni lon màu trắng, ngoài ra còn thu giữ của bị cáo T1 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen; thu giữ của T3 01 điện thoại Iphone 6s Plus màu trắng; thu giữ của N số tiền 1.050.000 đồng sau đó Cơ quan công an đã đưa bị cáo T1 cùng những người liên quan về trụ sở Công an thành phố N để làm việc. Tại cơ quan điều tra bị cáo Hoàng Minh T1 đã viết đơn xin đầu thú hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra tổ công tác Công an thành phố N còn tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh Karaoke Q do chị Bùi Như Q làm chủ. Quá trình kiểm tra phát hiện tại phòng hát hát số 01 tầng 2 quán Karaoke Q có Phạm Văn T2, Lã Văn H1, Điền Văn D1, Phạm Thị Thu H2, Nguyễn Thị Mỹ D2 và Lô Thị T4, phát hiện thu giữ tại mặt bàn phía cuối phòng hát có 01 túi ni lon màu trắng kích thước khoảng (2x2) cm bên trong bám dính tinh thể màu trắng được niêm phong vào phong bì ký hiệu B1; 01 thẻ nhựa trên bề mặt thẻ có chữ Chanel; 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; hai đầu ống hút được cuốn bằng vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng được niêm phong vào phong bì ký hiệu B2. T2, H1, D1 khai nhận 01 túi ni lon màu trắng kích thước khoảng (2x2) cm bên trong bám dính tinh thể màu trắng là ma túy “Ke” do N bỏ ra đã sử dụng. Thu giữ của chị Q 01 đầu ghi hình Camera hiệu HKIVISION có lưu trữ hình ảnh liên quan đến vụ án; 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự để làm ngành nghề kinh doanh có điều kiện do Công an thành phố N cấp ngày 19/01/2015, 01 Giấy phép kinh doanh Karaoke do Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Ninh Bình cấp ngày 04/01/2016 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 09-8A-000.3... do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 24/12/2009. Tổ công tác tiến hành lập biên bản và đưa các đối tượng có liên quan về trụ sở Công an thành phố N để làm việc.

Tiến hành cân xác định khối lượng 6 viên nén hình tròn màu trắng đục thu giữ của Hoàng Minh T1 có khối lượng 2,33 gam ký hiệu M gửi đi giám định để xác định loại ma túy, khối lượng chất ma túy. Đồng thời gửi giám định 01 phong bì ký hiệu B1 bên trong có 01 túi ni lon màu trắng kích thước khoảng (2x2) cm bên trong bám dính tinh thể màu trắng thu giữ tại phòng hát số 01 tầng 2 quán Karaoke để xác định loại ma túy, khối lượng chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 182/KLGD-PC09-MT ngày 08/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “Mẫu gồm sáu viên nén hình tròn gửi giám định ký hiệu M có tổng khối lượng 2,3354 gam (Hai phẩy ba nghìn ba trăm năm mươi bốn) gam là ma túy loại MDMA. MDMA là chất ma túy thuộc bảng danh mục I, có số thứ tự 27; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng bám dính bên trong túi ni lon ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Lượng Ketamine bám dính ít không đủ để xác định khối lượng. Ketamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục III, số thứ tự 35; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 123/2019/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Hoàng Minh T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Minh T1 03 (Ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/6/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, quyền kháng cáo cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/11/2019 bị cáo Hoàng Minh T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Minh T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do bị cáo đã thành khẩn khai báo, đầu thú mức hình phạt bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là quá nặng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Minh T1; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 123/2019/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình về áp dụng pháp luật và hình phạt đã quyết định đối với bị cáo Hoàng Minh T1. Xử phạt bị cáo Hoàng Minh T1 03 (ba) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 04/6/2019.

Bị cáo Hoàng Minh T1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Minh T1 là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Minh T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc

thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Bị cáo Tuấn cũng thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N đã xét xử đúng người đúng tội, không oan.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 03/06/2019, tại khu vực trước cửa quán Karaoke Q thuộc thôn H, xã N, thành phố N, Hoàng Minh T1 đã có hành vi cất dấu trái phép 2,3354 gam ma túy loại MDMA nhằm mục đích bán kiếm lời thì bị phát hiện bắt giữ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy hành vi của bị cáo Hoàng Minh T1 là phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Minh T1 về hình phạt:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hoàng Minh T1 đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt với lý do bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 03 năm tù là quá nặng.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Bản thân bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện, tuổi đời còn trẻ mà còn lao vào con đường nghiện ngập dẫn đến phạm tội. Do đó cấp sơ thẩm đã xét xử và phạt bị cáo với mức án 03 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là có căn cứ, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được lý do khác nào để xin giảm nhẹ hình phạt ngoài lý do xin giảm nhẹ để sửa chữa lỗi lầm.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2019/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình về áp dụng pháp luật và hình phạt đã quyết định đối với bị cáo Hoàng Minh T1.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Hoàng Minh T1 phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Minh T1; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 123/2019/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình về áp dụng pháp luật và hình phạt đã quyết định đối với bị cáo Hoàng Minh T1.

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh T1 03 (ba) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 04/6/2019.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Minh T1 phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/12/2019./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1 bản);
 - TAND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND Tỉnh Ninh Bình (3 bản);
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (2 bản);
 - TAND thành phố N (5 bản);
 - VKSND thành phố N (1 bản);
 - CA thành phố N (1 bản);
 - Chi cục THADS thành phố N (1 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản);
 - Bị cáo (1 bản);
 - Trại tạm giam (1 bản);
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Lưu hồ sơ (2 bản);
 - Lưu tòa (1 bản);
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (1 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đức Hiệp

